TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49**/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 03/10/2019.
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Duyên.

Các Hội thẩm nhân nhân:

Bà Lê Thị Thùy Vân;

Ông Kim Niệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2019/TLST - HNGĐ ngày 03/6/2019 về "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị T, sinh năm 1982; địa chỉ: 73, ấp 9, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1972; địa chỉ: 73, ấp 9, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 5 năm 2019, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông L chung sống với nhau từ năm 2001 và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/2001 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Thời gian mới kết hôn, cả hai chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thường hay xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Nay, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Duy L.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà T và ông L có 02 người con chung tên là Nguyễn Trần Thành N, sinh ngày 26/5/2002 và Nguyễn Trần Thành N1, sinh ngày 07/5/2007. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi 2 con chung và yêu cầu cấp dưỡng số tiền 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 6 năm 2019, ông Nguyễn Duy L trình bày: Ông L thống nhất với lời trình bày của bà T về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng đã ly thân được gần 01 năm. Ông L thương yêu vợ con nhưng bà T vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Nay, với yêu cầu của bà T thì ông L không đồng ý.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông L và bà T có 02 người con chung tên là Nguyễn Trần Thành N, sinh ngày 26/5/2002 và Nguyễn Trần Thành N1, sinh ngày 07/5/2007. Khi ly hôn ông L yêu cầu được nuôi con không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, bà T và ông L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương là hôn nhân hợp pháp, do có mâu thuẫn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông L. Về con chung, trong quá trình chung sống, bà T và ông L có 02 người con chung tên Nguyễn Trần Thành N, sinh ngày 26/5/2002 và Nguyễn Trần Thành N1, sinh ngày 07/5/2007; khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu cấp

dưỡng nuôi con, ông L cũng yêu cầu được nuôi con. Tại bản tự khai các cháu có nguyện vọng được sống với ông L nên tiếp tục giao con chung cho ông L nuôi dưỡng là phù hợp. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T là có cơ sở một phần nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho ly hôn và không chấp nhận yêu cầu về con chung và không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; bị đơn ông Nguyễn Duy L có nơi cư trú tại ấp 9, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Duy L chung sống với nhau từ năm 2001 và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/2001 tại UBND xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, nguyên đơn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên gây gổ, cãi vã; ông L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân bà T sống ở Thành phố Hồ Chí Minh còn ông L sống ở ấp 9, xã A, không ai còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, trong thời gian sống ly thân các bên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Theo xác minh tại chính quyền địa phương thì việc mâu thuẫn giữa bà T và ông L địa phương không biết.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc xin ly hôn của bà T là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các bản sao giấy khai sinh, xác định bà T và ông L có 02 người con Nguyễn Trần Thành N, sinh ngày 26/5/2002 và Nguyễn Trần Thành N1, sinh ngày 07/5/2007. Hiện tại các con đang sống chung với ông L và có nguyện vọng được sống cùng ông L. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển của các con chung nên để ông L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là phù hợp. Do vậy không chấp nhận yêu cầu của bà T về con chung và cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T với bị đơn ông Nguyễn Duy L.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Duy L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trần Thành N, sinh ngày 26/5/2002 và Nguyễn Trần Thành N1, sinh ngày 07/5/2007 cho ông Nguyễn Duy L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông L không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của các con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có yêu cầu phù hợp quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0026304 ngày 28/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- UBND xã A;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hữu Duyên